

thực hiện đúng các quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 3 Nghị định này nếu ngành, nghề kinh doanh thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề.

3. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

4. Các hợp tác xã không tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2003 và Nghị định này thì tự nguyện giải thể hoặc buộc phải giải thể theo quy định tại Điều 42 Luật Hợp tác xã năm 2003 và Điều 21 Nghị định này.

5. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân, ngoài những quy định tại Nghị định này Chính phủ có quy định riêng.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 176/2004/QĐ-TTg ngày 05/10/2004 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam giai đoạn 2004 - 2010, định hướng đến 2020.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ kết luận của Bộ Chính trị về Chiến lược và quy hoạch phát triển ngành Điện lực Việt Nam ngày 24 tháng 10 năm 2003;

Xét tờ trình số 1768/TTr-KHĐT ngày 02 tháng 5 năm 2003, Công văn số 4312/CV-NLDK ngày 24 tháng 8 năm 2004 của Bộ Công nghiệp đề nghị phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam giai đoạn 2004 - 2010, định hướng đến 2020; ý kiến của các Bộ, ngành góp ý về Chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010, định hướng đến 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam giai đoạn

2004 - 2010, định hướng đến 2020 theo các nội dung chính sau đây:

1. Quan điểm phát triển:

- Phát triển điện phải đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân; đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Đẩy mạnh điện khí hóa nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo.

- Bảo đảm chất lượng điện năng để cung cấp dịch vụ điện với chất lượng ngày càng cao, giá cạnh tranh. Đặc biệt coi trọng tiết kiệm điện năng từ khâu phát, truyền tải đến khâu sử dụng.

- Sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn năng lượng sơ cấp của đất nước như nguồn thủy năng (kết hợp với thủy lợi), khí, dầu, than cho sản xuất điện, áp dụng thiết bị sử dụng khoa học, công nghệ tiên tiến và giảm ô nhiễm môi trường.

- Tiếp tục khảo sát, nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để xây dựng nhà máy điện nguyên tử (sau năm 2015) đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sử dụng, nhằm đa dạng hóa các nguồn năng lượng.

- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các dạng năng lượng mới và tái tạo để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện, đặc biệt đối với các hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

- Từng bước hình thành thị trường điện lực cạnh tranh trong nước, đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh điện, khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia, không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Nhà nước chỉ giữ độc quyền khâu truyền tải, xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện lớn, các nhà máy điện nguyên tử. Chủ động trong việc tham gia, liên kết lưới điện và mua bán điện với các nước trong khu vực.

- Xây dựng giá điện phải đạt mục tiêu khuyến khích đầu tư cho phát triển ngành điện, tăng sức cạnh tranh về giá điện so với các nước trong khu vực, nhất là giá điện phục vụ sản xuất, tách phần chính sách xã hội ra khỏi giá điện. Có chính sách thích hợp về sử dụng điện ở nông thôn, miền núi.

- Kết hợp giữa điều hành mạng lưới điện thống nhất trong cả nước với xây dựng và điều hành hệ thống điện an toàn theo từng khu vực nhằm đồng bộ hóa, hiện đại hóa mạng lưới truyền tải, phân phối điện quốc gia để cung cấp dịch vụ điện đảm bảo chất lượng, liên tục, an toàn, hiệu quả.

2. Mục tiêu phát triển:

Mục tiêu phát triển của ngành Điện Việt Nam đến năm 2010 là: sử dụng tốt các nguồn thủy năng (kết hợp với thủy lợi), khí và than để phát triển cân đối nguồn điện. Xây dựng các cụm khí - điện - đạm ở Phú Mỹ và khu vực Tây

Nam. Xúc tiến nghiên cứu, xây dựng thủy điện Sơn La. Nghiên cứu phương án sử dụng năng lượng nguyên tử. Đồng bộ hóa, hiện đại hóa mạng lưới phân phối điện quốc gia. Đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh điện; có chính sách thích hợp về sử dụng điện ở nông thôn, miền núi. Tăng sức cạnh tranh về giá điện so với khu vực.

Mục tiêu cụ thể:

- Đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội. Phấn đấu đến năm 2005 đạt sản lượng khoảng 53 tỷ kWh; năm 2010 đạt sản lượng từ khoảng 88 đến 93 tỷ kWh và năm 2020 đạt sản lượng từ 201 đến 250 tỷ kWh.

- Đẩy nhanh chương trình đưa điện về nông thôn, miền núi, phấn đấu đến năm 2010 đạt 90% số hộ dân nông thôn có điện, đến năm 2020 đạt 100% số hộ dân nông thôn có điện.

- Đảm bảo cân bằng tài chính bền vững.

- Đa dạng hóa phương thức đầu tư phát triển ngành và chuẩn bị các phương án nhập khẩu điện của các nước Lào, Campuchia và Trung Quốc.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao để đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của ngành Điện.

- Thực hiện cơ chế hoạt động đa dạng hóa sản phẩm, bao gồm nhiều Công ty có

tư cách pháp nhân theo mô hình Liên kết tài chính - Công nghiệp - Thương mại - Dịch vụ - Tư vấn.

- Kiểm soát và giảm nhẹ ô nhiễm môi trường trong các hoạt động điện lực.

3. Chiến lược phát triển:

Phát triển đồng bộ nguồn và lưới điện theo hướng hiện đại. Phát triển thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, điện nguyên tử..., kết hợp trao đổi, liên kết lưới điện với các nước trong khu vực. Tổng công ty Điện lực Việt Nam chỉ đầu tư những công trình phát điện có công suất từ 100 MW trở lên, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khác đầu tư các công trình có công suất nhỏ hơn. Phát triển nhanh, đồng bộ, hiện đại hệ thống truyền tải, phân phối nhằm nâng cao độ tin cậy, an toàn cung cấp điện và giảm tổn thất điện năng.

1. Chiến lược phát triển nguồn điện:

a) Ưu tiên phát triển thủy điện, nhất là các công trình có lợi ích tổng hợp (cấp nước, chống lũ, chống hạn...). Khuyến khích đầu tư các nguồn thủy điện nhỏ với nhiều hình thức để tận dụng nguồn năng lượng sạch, tái sinh này.

Trong khoảng 20 năm tới sẽ xây dựng hầu hết các nhà máy thủy điện tại những nơi có khả năng xây dựng. Dự kiến đến năm 2020 tổng công suất các nhà máy thủy điện khoảng 13.000 - 15.000 MW.

b) Phát triển các nhà máy nhiệt điện với tỷ lệ thích hợp, phù hợp với khả năng cung cấp và phân bố của các nguồn nhiên liệu:

- Nhiệt điện than: dự kiến đến năm 2010 có tổng công suất khoảng 4.400 MW. Giai đoạn 2011 - 2020 cần xây dựng thêm khoảng 4.500 - 5.500 MW (phụ tải cơ sở), 8.000 - 10.000 MW (phụ tải cao). Do nguồn than sản xuất trong nước hạn chế, cần xem xét xây dựng các nhà máy điện sử dụng than nhập.

- Nhiệt điện khí: đến năm 2010 có tổng công suất khoảng 7.000 MW, giai đoạn 2011 - 2020 cần xây dựng thêm khoảng 3.500 MW (phương án cấp khí cơ sở), trong trường hợp nguồn khí phát hiện được nhiều hơn cần xây dựng thêm khoảng 7.000 MW.

- Đầu tư khảo sát, nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để có thể xây dựng nhà máy điện nguyên tử đầu tiên ở Việt Nam với quy mô công suất khoảng 2.000 MW, dự kiến đưa vào vận hành giai đoạn sau năm 2015.

c) Nhập khẩu điện: theo hiệp định hợp tác năng lượng đã ký kết, Việt Nam sẽ nhập khẩu khoảng 2.000 MW công suất từ Lào. Tiếp theo sẽ xem xét nhập khẩu điện từ Campuchia và Trung Quốc.

d) Phát triển các nhà máy sử dụng năng lượng mới và tái tạo. Tận dụng các nguồn năng lượng mới tại chỗ để phát điện cho các khu vực mà lưới điện quốc

gia không thể cung cấp được hoặc cung cấp kém hiệu quả, đặc biệt đối với các hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

2. Chiến lược phát triển lưới điện:

- Phát triển nguồn điện phải đi đôi với phát triển lưới điện, phát triển lưới điện phân phối phải phù hợp với phát triển lưới điện truyền tải.

- Phát triển nhanh hệ thống truyền tải 220, 500 kV nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và giảm tổn thất điện năng trên lưới truyền tải, bảo đảm khai thác kinh tế các nguồn điện; phát triển lưới 110 kV thành lưới điện phân phối cung cấp trực tiếp cho phụ tải.

- Nghiên cứu giảm bớt cấp điện áp trung thế của lưới điện phân phối. Nhanh chóng mở rộng lưới điện phân phối đến vùng sâu, vùng xa. Tập trung đầu tư cải tạo lưới điện phân phối để giảm tổn thất điện năng, giảm sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

3. Chiến lược phát triển điện nông thôn và miền núi:

- Đẩy mạnh điện khí hóa nông thôn nhằm góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

- Sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo để cấp điện cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Xây dựng cơ chế quản lý để duy trì và phát triển các nguồn điện ở những khu vực này.

- Khuyến khích đa dạng hóa trong đầu tư và quản lý lưới điện nông thôn.

- Tăng cường kiểm soát giá điện nông thôn để đảm bảo thực hiện theo đúng giá trần do Chính phủ quy định.

4. Chiến lược tài chính và huy động vốn:

- Có các cơ chế tài chính thích hợp để Tổng công ty Điện lực Việt Nam đảm bảo được vai trò chủ đạo trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển của ngành Điện Việt Nam.

- Tiếp tục triển khai một số công trình đầu tư theo hình thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), liên doanh hoặc BOO để thu hút thêm nguồn vốn đầu tư, đồng thời tăng khả năng trả nợ cho Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

- Xây dựng các biện pháp huy động vốn trong xã hội dân để đầu tư phát triển điện.

- Tăng cường quan hệ với các ngân hàng và các tổ chức tài chính quốc tế để vay vốn đầu tư, ưu tiên vay các nguồn vốn ODA có lãi suất thấp, thời gian trả nợ dài (ODA chỉ giao cho Tổng công ty Điện lực Việt Nam); sau đó đến các ngân hàng thương mại với phương châm khi các ngân hàng trong nước không đáp ứng được thì vay các ngân hàng thương mại nước ngoài.

- Nghiên cứu tham gia thị trường chứng khoán, phát hành trái phiếu

trong và ngoài nước để đầu tư các công trình điện.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình cải cách giá điện đã được duyệt theo hướng vừa tiến dần đến chi phí biên dài hạn vừa cải cách biểu giá điện, giảm bù chéo quá lớn giữa các nhóm khách hàng.

5. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ:

- Tập trung nghiên cứu khoa học, công nghệ tiên tiến áp dụng cho sản xuất và truyền tải điện năng. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại theo hướng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu tác động đến môi trường với những bước đi hợp lý.

- Đầu tư chiều sâu, cải tạo nâng cấp và hiện đại hóa đối với nguồn và lưới điện hiện có, cải tiến công tác quản lý, kinh doanh và dịch vụ khách hàng.

6. Định hướng phát triển viễn thông và công nghệ thông tin:

- Tận dụng mọi ưu thế về hệ thống hạ tầng viễn thông ngành điện, kết hợp viễn thông phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh điện với phát triển dịch vụ viễn thông công cộng.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý và điều hành sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngành Điện.

7. Định hướng phát triển cơ khí điện:

Phát triển mạnh cơ khí điện góp phần

phát triển công nghiệp trong nước, giảm nhập khẩu. Phấn đấu đến năm 2005 đáp ứng về cơ bản nhu cầu thiết bị có điện áp 110 kV trở xuống; đến năm 2010 có thể đáp ứng một phần nhu cầu máy biến áp 220 kV và các thiết bị 220 kV khác. Nghiên cứu sản xuất các thiết bị trọn bộ cho các trạm thủy điện nhỏ, năng lượng mặt trời và các thiết bị thay thế phục vụ sửa chữa các nhà máy điện. Về lâu dài, cần nghiên cứu, chế tạo thiết bị phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và đặc điểm riêng của quốc gia và khu vực nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu.

8. Chiến lược phát triển tư vấn xây dựng điện:

Tập trung xây dựng các công ty tư vấn đa ngành theo chuyên môn hóa từng lĩnh vực chuyên sâu, từng bước nâng cao trình độ để có thể tự đảm đương thiết kế được các công trình điện lớn như nhà máy điện, lưới điện siêu cao áp.

9. Chiến lược phát triển ngành Xây lắp điện:

Tăng cường năng lực cho các đơn vị xây lắp điện để có khả năng đảm nhận các công trình đầu tư từ khâu thiết kế kỹ thuật thi công, cho đến khâu xây dựng, lắp đặt thiết bị các nhà máy điện, các công trình lưới điện lớn trong nước và có khả năng tham gia đấu thầu các công trình ở nước ngoài.

10. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

- Về công tác cán bộ: tiến hành lập quy hoạch cán bộ, tổ chức đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong diện quy hoạch.

- Về công tác đào tạo nguồn nhân lực: phát triển khối các trường chuyên ngành Điện lực, phấn đấu để xây dựng một số trường đạt tiêu chuẩn quốc tế. Bố trí liên thông giữa các bậc học: cao đẳng, trung học và công nhân; xây dựng chương trình chuẩn thống nhất trong ngành về đào tạo các lĩnh vực chuyên sâu.

11. Chiến lược phát triển thị trường điện:

Từng bước hình thành thị trường điện trong nước, trong đó Nhà nước giữ độc quyền ở khâu truyền tải và chi phối trong khâu sản xuất và phân phối điện. Trước mắt, hình thành thị trường mua bán điện trong nội bộ Tổng công ty Điện lực Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng đầy đủ các khuôn khổ pháp lý, các điều kiện để sớm hình thành thị trường điện độc lập.

4. Giải pháp thực hiện:

1. Giải pháp về tổ chức và cơ chế:

- Bổ sung và hiệu chỉnh Luật Điện lực trình Quốc hội thông qua năm 2004 làm cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động điện lực, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động kiểm soát và điều phối thị trường

điện lực. Nghiên cứu xây dựng đầy đủ các khuôn khổ pháp lý, các điều kiện để sớm hình thành thị trường điện lực cạnh tranh.

- Xây dựng lộ trình cải cách cơ cấu tổ chức ngành công nghiệp điện lực theo định hướng chiến lược đã đề ra.

2. Giải pháp về đầu tư phát triển:

- Xây dựng cơ chế, chính sách trong đó có chính sách đa dạng hóa phương thức đầu tư để phát huy tốt mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu phát triển ngành Điện và yêu cầu phát triển của đất nước.

- Tính toán xây dựng phương án nhập khẩu điện của các nước Lào, Campuchia và Trung Quốc hợp lý.

- Giao Tổng công ty Điện lực Việt Nam thực hiện vai trò chủ đạo trong đảm bảo đầu tư phát triển nguồn và lưới điện đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phù hợp với năng lực tài chính và khả năng trả nợ của Tổng công ty, đảm bảo cân bằng tài chính dài hạn.

- Công bố công khai danh mục các dự án đầu tư khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào lĩnh vực phát điện và phân phối điện, đặc biệt là thành phần kinh tế ngoài quốc doanh trên cơ sở thu hút vốn từ thị trường cho đầu tư.

- Xây dựng cơ chế đầu tư phù hợp theo hướng cải cách các thủ tục hành chính, giải quyết nhanh vấn đề đền bù, giải

phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ các công trình đầu tư điện lực.

3. Giải pháp tài chính và huy động vốn:

- Tiếp tục thực hiện cải cách giá điện theo lộ trình đã được duyệt và nghiên cứu điều chỉnh biểu giá điện theo hướng giảm bù chéo quá lớn giữa các nhóm khách hàng. Cho phép Tổng công ty Điện lực Việt Nam thực hiện hạch toán riêng phần dịch vụ mang tính công ích.

- Xem xét giảm thuế giá trị gia tăng cho sản phẩm điện từ 10% xuống còn 5% để giảm sức ép tăng giá điện.

- Ưu tiên bố trí vốn tín dụng ưu đãi từ quỹ hỗ trợ phát triển, vốn ODA và các nguồn vay song phương của nước ngoài cho Tổng công ty Điện lực Việt Nam để thực hiện đầu tư các công trình điện trọng điểm của quốc gia.

- Khuyến khích đa dạng hóa trong đầu tư và quản lý lưới điện nông thôn trên cơ sở tăng cường kiểm soát giá bán điện ở nông thôn để đảm bảo không vượt giá trần do Chính phủ quy định.

- Hỗ trợ vốn ngân sách cho các dự án điện khí hóa nông thôn, miền núi, hải đảo nhằm mục đích phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo cho các khu vực này.

- Cổ phần hóa các công trình điện mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn. Thí điểm phát hành trái phiếu công trình và phát hành cổ phiếu ra thị trường chứng

khoán. Thực hiện liên doanh, liên kết trong đầu tư các công trình điện.

4. Giải pháp khoa học - công nghệ:

- Tăng cường đầu tư khoa học - công nghệ và quản lý để tiếp tục phấn đấu giảm tổn thất điện năng xuống khoảng 10% vào năm 2010 và dưới 10% vào những năm sau.

- Sử dụng công nghệ thông tin để đảm bảo vận hành tối ưu hệ thống điện.

- Thực hiện chương trình quản lý nhu cầu (DSM) để cắt giảm công suất đỉnh nhằm tiết kiệm đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi trong vận hành hệ thống điện, tiết kiệm điện trong tiêu dùng.

- Áp dụng công nghệ thích hợp trong ngành để nâng cao hiệu quả đầu tư và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5. Giải pháp nguồn nhân lực:

- Coi trọng đào tạo và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành Điện.

- Chú trọng đào tạo đội ngũ kỹ sư, chuyên gia về năng lượng hạt nhân để chuẩn bị cho việc xây dựng và vận hành nhà máy điện nguyên tử.

Điều 2. Phân công thực hiện:

1. Bộ Công nghiệp:

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện

Chiến lược phát triển ngành Điện, Quy hoạch phát triển Điện lực Việt Nam, xem xét phê duyệt các dự án điện độc lập phù hợp với quy hoạch và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt những dự án có tích cấp bách để tiến hành đầu tư.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực phù hợp với thẩm quyền theo quy định của Chính phủ.

2. Tổng công ty Điện lực Việt Nam:

- Chịu trách nhiệm chủ đạo trong việc đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện của cả nước và trao đổi điện với các nước trong khu vực.

- Ưu tiên cân đối vốn tín dụng đầu tư ưu đãi cho các công trình đầu tư phát triển điện từ nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA với lãi suất bằng lãi suất các tổ chức tài chính cho vay cộng với chi phí quản lý, vốn tín dụng song phương và tín dụng nhà nước cho đầu tư phát triển của Tổng công ty.

- Thực hiện việc điều chỉnh giá điện theo lộ trình của Chính phủ quy định.

- Hỗ trợ cấp vốn ngân sách cho phần đầu tư nguồn và lưới điện phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa và điện khí hóa nông thôn, các công trình thuộc kết cấu hạ tầng mang tính công ích; cấp vốn ngân sách để đầu tư cung cấp điện bằng các nguồn năng

lượng tái tạo ở những nơi không thể cung cấp được bằng lưới điện quốc gia.

- Tổng công ty Điện lực Việt Nam được hạch toán riêng, tách khỏi sản xuất kinh doanh phần công ích trong việc cung cấp điện cho nông thôn, miền núi.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm theo chức năng nhiệm vụ được giao và tùy theo đặc điểm cụ thể của ngành mình, địa phương mình phối hợp với Bộ Công nghiệp, Tổng công ty Điện lực Việt Nam thực hiện Chiến lược phát triển Điện Việt Nam được quy định tại Quyết định này.

4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các đoàn thể chính trị xã hội tích cực tham gia triển khai thực hiện Chiến lược này trong phạm vi hoạt động của mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Thủ trưởng các Bộ, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Việt Nam và các doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 180/2004/QĐ-TTg ngày 14/10/2004 về việc công nhận thành phố Việt Trì là đô thị loại II.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thành phố Việt Trì thuộc tỉnh Phú Thọ là đô thị loại II.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, các Bộ trưởng và các Thủ trưởng cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phó Thủ tướng

Nguyễn Tấn Dũng